

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN MỸ XUYÊN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỈNH SÓC TRĂNG**

*Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST*

*Ngày: 03/05/2024.*

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.
- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Huỳnh Văn Hiệp  
2. Bà Nguyễn Hồng Phượng
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 03 năm 2024 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐ-ST, ngày 4/4/2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Ái Q.** ( Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Bị đơn:*** Ông **Phạm Minh C.** ( Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/03/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ái Q trình bày:* Vào năm 2014 bà Q và ông C kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cũng hạnh phúc cho đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và vợ chồng sống không hạnh phúc. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay và không hàn gắn, đoàn tụ lại được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ

chồng có 01 con chung tên: Phạm Ngọc Y, sinh ngày 8/12/2014 hiện nay đang sống với bà Q. Nay về con chung bà Q yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Có 7,5 chỉ vàng 24k, bà Q yêu cầu được hưởng 04 chỉ vàng 24k, quy thành tiền là 26.500.000đ, về nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và không nợ ai tài sản gì nên không yêu cầu toà án giải quyết.

- Bị đơn ông Phạm Minh C trình bày: Ông C thống nhất với lời trình bày của ông Nghĩa về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn cũng như về con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay bà Q yêu cầu ly hôn ông C cũng đồng ý, về con chung ông C thống nhất để con chung cho bà Q được quyền nuôi dưỡng con chung, ông C thống nhất cấp dưỡng nuôi con cho bà Q mỗi tháng là 1.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung ông C thừa nhận vợ chồng có 7,5 chỉ vàng 24k hiện nay ông đang giữ, nếu ly hôn ông đồng ý chia cho bà Q số vàng 04 chỉ vàng 24k quy thành tiền là 26.500.000đồng. Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

\* Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX cho bà Q được ly hôn với ông C. Về con chung giao cho bà Q được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Phạm Ngọc Y, sinh ngày 8/12/2014 cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi, ông C phải cấp dưỡng nuôi con cho bà Q mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Ông C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung: Chia cho ông C được quyền sở hữu, sử dụng 3,5 chỉ vàng 24k, chia cho bà Q được hưởng 04 chỉ vàng 24k, ông C có trách nhiệm giao lại cho bà Q số vàng 04 chỉ vàng 24k mà hiện nay ông C đang giữ tương đương giá vàng tại thời điểm xét xử, về nợ chung, không có yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét. Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về thủ tục tố tụng:** Đối với nguyên đơn và bị đơn đều đã có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông C và bà Q theo quy định pháp luật.

#### **Về nội dung:**

Về quan hệ pháp luật: Trước đây Toà án thụ lý quan hệ pháp luật là “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” thì mới chính xác và đúng quy định của pháp luật.

[1] Về hôn nhân:

Ông Phạm Minh C và bà Nguyễn Thị Ái Q tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014 và được Ủy ban nhân dân xã Gia Hoà 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, và cuối cùng vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không hàn gắn lại được.

[2] Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa bà Q và ông C không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân thời gian dài mà không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà Q yêu cầu được ly hôn với ông C là có căn cứ để chấp nhận theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, ông C và bà Q có 01 con chung tên Phạm Ngọc Y, sinh ngày 8/12/2014 hiện nay đang sống với bà Q. Nay về con chung bà Q yêu cầu được nuôi con chung, nguyện vọng của cháu Y cũng xin được sống với mẹ, phía ông C cũng thống nhất cho bà Q được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Xét thấy, từ khi ông C và bà Q sống ly thân thì cháu Y sống với bà Q, nay bà Q yêu cầu được nuôi con chung, phía ông C cũng thống nhất để bà Q nuôi con, vì vậy cần tiếp tục để cháu Y được tiếp tục sống với bà Q và giao cháu Y cho bà Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi là phù hợp, ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- *Về đóng góp cấp dưỡng nuôi con*: Bà Q yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Phía ông C cũng thống nhất cấp dưỡng nuôi con cho bà Q mỗi tháng là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Xét thấy việc ông C thống nhất đóng góp cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy HĐXX cần ghi nhận sự tự nguyện của ông C về việc đóng góp cấp dưỡng nuôi chung nêu trên và buộc ông C phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bà Q mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Ông C và bà Q thống nhất là vợ chồng có 7,5 chỉ vàng 24k, số vàng hiện nay ông C đang giữ, bà Q yêu cầu được chia 04 chỉ vàng 24k, phần ông C là 3,5 chỉ vàng 24k. Phía ông C cũng thống nhất chia cho bà Q được hưởng là 04 chỉ vàng 24k, phần ông C được hưởng 3,5 chỉ vàng 24k. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc thoả thuận phân chia tài sản chung giữa ông C và bà Q như trên là phù hợp, tuy nhiên về giá vàng cần điều chỉnh lại giá vàng tại thời điểm xét xử là 7.330.000đồng/chỉ để chia thì mới đúng quy định của pháp luật, cụ thể tài sản chung được chia như sau: ông Phạm Minh C được chia 3,5 chỉ vàng 24k tương đương số tiền 25.655.000đồng, bà Q được chia 04 chỉ vàng 24k, tương đương số tiền 29.320.000đồng, hiện nay số vàng này ông C đang giữ. Buộc ông C phải có trách nhiệm giao lại cho bà Q số vàng là 04 chỉ vàng 24k tương đương số tiền là 29.320.000 đồng. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và 1.466.000đồng án phí tài sản. Ông C phải chịu 1.282.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Nguyễn Thị Ái Q.

- *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Ái Q được ly hôn với ông Phạm Minh C.

- *Về con chung*: Bà Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung tên Phạm Ngọc Y, sinh ngày 8/12/2014 cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Ông C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bà Q mỗi tháng là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom chăm sóc con cho ông C không ai được quyền cản trở. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

- *Về tài sản chung*: Ông Phạm Minh C được chia 3,5 chỉ vàng 24k tương đương số tiền 25.655.000 đồng, bà Q được chia 04 chỉ vàng 24k, tương đương số tiền 29.320.000 đồng, hiện nay số vàng này ông C đang giữ. Buộc ông C phải có trách nhiệm giao lại cho bà Q số vàng là 04 chỉ vàng 24k tương đương số tiền là 29.320.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Q có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông C còn phải trả lãi cho bà Q theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

- Địa điểm giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

- *Về nợ chung*: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và 1.466.000đồng án phí tài sản, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 960.000đ, theo biên lai thu tiền số 0000295, ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện M, bà Q phải nộp thêm số tiền 806.000đồng án phí sơ thẩm.

- Ông C phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng và 1.282.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Phòng GDKT;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Dương Hải**